

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 về giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 258/2022/NQHĐND ngày 13/7/2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 452/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa; số 514/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 17/TTr-BDT ngày 28/3/2024 (kèm theo Văn bản số 1456/STC-QLNSHX ngày 25/3/2024 của Sở Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1), với các nội dung chủ yếu sau:

Tổng vốn sự nghiệp năm 2024 Trung ương giao: 443.466 triệu đồng.

- Tổng số vốn phân bổ đợt này (đợt 1): 266.461 triệu đồng.

- Số vốn còn lại chưa phân bổ: 177.005 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

I. Tổng số vốn phân bổ đợt này (đợt 1): 266.461 triệu đồng, bao gồm:

1. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 505 triệu đồng.

Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.1 kèm theo).

2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 75.699 triệu đồng, trong đó:

(i) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân là 45.699 triệu đồng.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.2 kèm theo).

(ii) Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 30.000 triệu đồng.

Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành Trung ương và Đề án “Phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025”, hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.3 kèm theo).

3. Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 19.178 triệu đồng, trong đó:

- Các xã, thôn đặc biệt khó khăn: 18.673 triệu đồng.
- Trang thiết bị y tế: 505 triệu đồng.

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, Văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ xã, thôn bản ĐBKK đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Sở Y tế chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế, các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ trang thiết bị Trạm y tế đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.4 kèm theo).

4. Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 98.383 triệu đồng, trong đó:

(i) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 39.812 triệu đồng.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu thực tế của các huyện xây dựng kế hoạch phân bổ chi tiết, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.5 kèm theo).

(ii) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số là 8.571 triệu đồng.

- Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã có liên quan xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nội dung đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.6 kèm theo).

(iii) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi là 40.000 triệu đồng.

Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 3, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.7 kèm theo).

(iv) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình là 10.000 triệu đồng.

Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành Trung ương, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện xây dựng Kế hoạch đào tạo, tập huấn năm 2024 và dự toán chi tiết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.8 kèm theo).

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 15.101 triệu đồng.

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 6, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.9 kèm theo).

6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 10.444 triệu đồng.

Giao Sở Y tế chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Y tế và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 7, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.10 kèm theo).

7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 19.451 triệu đồng.

Giao Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các Bộ, ngành Trung ương tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giai đoạn và hằng năm để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.11 kèm theo).

8. Tiểu dự án 2 - Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 5.000 triệu đồng.

Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 9, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.12 kèm theo).

9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 22.700 triệu đồng, trong đó:

(i) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào là 16.000 triệu đồng.

- Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung 01, 02 đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thực hiện nội dung 03 đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I. 13 kèm theo).

(ii) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 3.079 triệu đồng.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.14 kèm theo).

(iii) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình là 3.621 triệu đồng.

Giao Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 3, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ biểu I.15 kèm theo).

II. Tổng số vốn còn lại chưa phân bổ: 177.005 triệu đồng.

III. Nguồn vốn thực hiện

Từ nguồn vốn sự nghiệp Trung ương giao năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày

10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc, Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

2. Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện để tổ chức thực hiện; thẩm định dự toán chi tiết và thông báo bổ sung dự toán kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh thực hiện đối với Dự án 9, Tiểu dự án 3 Dự án 10. Thẩm định dự toán chi tiết, trình UBND tỉnh phê duyệt đối với Dự án 3; Dự án 5; Dự án 6; Dự án 7; Dự án 8; Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 - Dự án 10.

3. Giao Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Dự án, Tiểu dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

4. Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện có nhiệm vụ chủ động phối hợp với các cơ quan chủ quản chương trình và cấp có thẩm quyền để triển khai thực hiện đúng quy định; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, công khai, dân chủ, có hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành. Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả về Ban Dân tộc tỉnh; đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các dự án, tiểu dự án.

5. Đối với nguồn vốn còn lại chưa phân bổ, giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, địa phương, đơn vị có liên quan, căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Các sở, ngành, địa phương thực hiện huy động và lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; việc lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo theo Luật ngân sách Nhà nước, có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã của chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với các văn bản quy định liên quan. Việc huy động và lồng ghép tránh chồng chéo, trùng lặp; quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Dân tộc; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Các bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Ủy ban Dân tộc; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VX, KTTC (TĐN16830).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục I
PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao (tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023)	Kế hoạch vốn năm 2024 phân bổ (đợt 1)	Kế hoạch vốn năm 2024 còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
A	B	I	2	3	4
	TỔNG SỐ	443.466	266.461	177.005	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	51.793		51.793	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	505	505		Chi tiết tại Phụ biểu I.1
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	184.110	75.699	108.411	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.		45.699		Chi tiết tại Phụ biểu I.2
3.2	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		30.000		Chi tiết tại Phụ biểu I.3
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	19.178	19.178		
4.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		19.178		Chi tiết tại Phụ biểu I.4
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.	115.184	98.383	16.801	
3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.		39.812		Chi tiết tại Phụ biểu I.5

STT	Tên Dự án/Tiêu dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ giao (tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023)	Kế hoạch vốn năm 2024 phân bổ (đợt 1)	Kế hoạch vốn năm 2024 còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
A	B	I	2	3	4
3.2	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số.		8.571		Chi tiết tại Phụ biểu I.6
3.3	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		40.000		Chi tiết tại Phụ biểu I.7
3.4	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình.		10.000		Chi tiết tại Phụ biểu I.8
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.	15.101	15.101		Chi tiết tại Phụ biểu I.9
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.	10.444	10.444		Chi tiết tại Phụ biểu I.10
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.	19.451	19.451		Chi tiết tại Phụ biểu I.11
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	5.000	5.000		
9.1	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		5.000		Chi tiết tại Phụ biểu I.12
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	22.700	22.700		
10.1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điểm hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào		16.000		Chi tiết tại Phụ biểu I.13
10.2	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		3.079		Chi tiết tại Phụ biểu I.14
10.3	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.		3.621		Chi tiết tại Phụ biểu I.15

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần																	
			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Tiểu dự án 2, Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		
				Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng	Hỗ trợ các xã, thôn BĐKK	Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điểm hình tiên, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào					Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	21	
5	Sở Văn hóa - TT&DL	1.093											1.057						36	
6	Sở Y tế	2.446												2.350		60			36	
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	5.871													5.835				36	
8	Tinh đoàn Thanh Hóa	186			150														36	
9	Ủy ban MTTQ tỉnh	362																	362	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	36																	36	
11	Sở Tài chính	36																	36	
12	Sở Công Thương	246			210														36	
13	Ngân hàng nhà nước tỉnh	36																	36	
14	Ngân hàng CSXH tỉnh	36																	36	
15	Sở Nội vụ	36																	36	
16	Công an tỉnh	1.298								1.262									36	
17	Sở Tư pháp	196															160		36	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần																	
			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Tiểu dự án 2, Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		
				Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng	Hỗ trợ các xã, thôn BĐKK	Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điểm hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào					Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20	21	
18	Sở Thông tin và Truyền thông	3.133															480	2.617	36	
19	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	3.459								3.459										
20	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	850								850										
21	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	648			150													462	36	
22	Hội Nông dân tỉnh	186			150														36	
23	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	804												804						
24	Chi cục Dân số KHHGD	1.003												1.003						
25	Ban QLRPH Mường Lát	1.044		1.044																
26	Ban QLRPH Quan Sơn	1.455		1.455																
27	Ban QLRPH Thường Xuân	417		417																
28	Ban QLRPH Như Thanh	884		884																
29	Trường Trung cấp nghề miền núi	7.185									7.185									
II	CẤP HUYỆN	172.045	505	41.899	23.100	19.178	18.673	505			32.415		14.044	6.287	13.616	4.940	14.432		1.629	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần																	
			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Tiểu dự án 2, Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		
				Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng	Hỗ trợ các xã, thôn BĐKK	Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điểm hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào					Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Huyện Mường Lát	26.352		12.874		3.209	3.040	169			4.490		775	688	1.993	1.424	664			235
2	Huyện Quan Hóa	23.271		6.790	4.775	2.129	2.129				4.191		1.483	593	1.605	326	1.244			135
3	Huyện Quan Sơn	17.484	505	5.900	3.039	1.351	1.267	84			2.754		842	456	917	601	995			124
4	Huyện Bá Thước	21.832		2.925	6.865	3.089	3.005	84			1.976		1.693	730	2.246	390	1.742			176
5	Huyện Lang Chánh	14.389		4.559	2.795	1.206	1.206				2.694		670	370	894	278	829			94
6	Huyện Ngọc Lặc	9.066			1.501	670	670				2.096		1.617	516	504	385	1.659			118
7	Huyện Cẩm Thủy	5.829									2.395		1.502	387		213	1.244			88
8	Huyện Thường Xuân	20.872		5.513	2.897	2.049	2.049				5.269		1.148	499	1.605	607	1.161			124
9	Huyện Như Xuân	12.311		3.114		2.165	2.165				2.000		1.234	740	1.513		1.327			218
10	Huyện Như Thanh	8.267				1.461	1.377	84			1.856		2.066	482	1.009	269	995			129
11	Huyện Thạch Thành	8.894		224		1.301	1.217	84			2.694		1.014	568	917	305	1.742			129
12	Huyện Triệu Sơn	2.333			1.092	487	487							77	367	43	249			18
13	Huyện Thọ Xuân	644												129		71	415			29

Phụ biểu 1.1

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024
THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu được tính 0,1 điểm	Phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm 0,1 điểm	Tổng điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	TỔNG SỐ	2.240	0,1	22,3	22,4	505
1	Huyện Quan Sơn	2.240	0,1	22,3	22,4	505

Phụ biểu 1.2

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO VỆ RỪNG VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN**

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Khối lượng (ha)		Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)		
		Diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng	Diện tích khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng mới	Kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cộng đồng (0,4 triệu đồng/ha)	Hỗ trợ lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng (0,05 triệu đồng/ha)	Tổng kinh phí (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	112.348,55	15.152,13	44.940	759	45.699
1	Ban QLRPH Mường Lát	2.610,5		1.044		1.044
2	Ban QLRPH Quan Sơn	3.638,3		1.455		1.455
3	Ban QLRPH Thường Xuân	1.043,3		417		417
4	Ban QLRPH Như Thanh	2.202,55	48,90	881	3	884
5	UBND huyện Mường Lát	30.434,16	13.992,56	12.174	700	12.874
6	UBND huyện Quan Hóa	16.974,3		6.790		6.790
7	UBND huyện Quan Sơn	14.749,91		5.900		5.900
8	UBND huyện Bá Thước	7.312,7		2.925		2.925
9	UBND huyện Lang Chánh	11.283,87	890,67	4.514	45	4.559
10	UBND huyện Thường Xuân	13.755,26	220,00	5.502	11	5.513
11	UBND huyện Như Xuân	7.783,9		3.114		3.114
12	UBND huyện Thạch Thành	559,8		224		224

Phụ biểu 1.3

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 3: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ VÙNG TRỒNG ĐƯỢC LIỆU QUÝ, THỨC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Xã KVIII (28 điểm/ xã)	Trong đó:		Thôn ĐBK (5 điểm/thôn)	Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBK (0,15 điểm/1%)	Tổng số điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)
			KV III ATK (2 điểm/xã)	KV III BG (2 điểm/xã)				
	TỔNG SỐ							30.000
I	Cấp tỉnh							6.900
1	Ban Dân tộc tỉnh (20,8% tổng vốn phân bổ)							6.240
2	Sở Công thương (0,7% tổng vốn phân bổ)							210
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh (0,5% tổng vốn phân bổ)							150
4	Tinh đoàn Thanh Hóa (0,5% tổng vốn phân bổ)							150
5	Hội Nông dân tỉnh (0,5% tổng vốn phân bổ)							150
II	UBND các huyện	5		3	137	103,57	846,5	23.100
1	Huyện Quan Hóa				35		175	4.775
2	Huyện Quan Sơn	2		2	9	42,52	111	3.039
3	Huyện Bá Thước	1			44	23,77	252	6.865
4	Huyện Lang Chánh	1		1	14	16,3	102	2.795
5	Huyện Ngọc Lặc				11		55	1.501
6	Huyện Thường Xuân	1			15	20,98	106	2.897
7	Huyện Triệu Sơn				8		40	1.092
8	Thị xã Nghi Sơn				1		5	136

Phụ biểu 1.4

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Dvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Xã KVIII (09 điểm/ xã)	Trong đó:		Xã ATK (I, II) (8 điểm/xã)	Thôn ĐBK (1,8 điểm/thôn)	Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBK (0,03 điểm/1%)	Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo (2,5 điểm/trạm)	Điểm số		Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)		
			KV III ATK (01 điểm/xã)	KV III BG (01 điểm/xã)					Các xã, thôn ĐBK	Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế	Các xã, thôn ĐBK	Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế	Tổng kinh phí
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	20	2	10	3	177	595,07	6	552,5	15,0	18.673	505	19.178
1	Huyện Mường Lát	8		7			364,72	2	89,9	5	3.040	169	3.209
2	Huyện Quan Hóa					35			63,0		2.129		2.129
3	Huyện Quan Sơn	2		2		9	42,52	1	37,5	2,5	1.267	84	1.351
4	Huyện Bá Thước	1				44	23,77	1	88,9	2,5	3.005	84	3.089
5	Huyện Lang Chánh	1		1		14	16,3		35,7		1.206		1.206
6	Huyện Ngọc Lặc					11			19,8		670		670
7	Huyện Thường Xuân	1			3	15	20,98		60,6		2.049		2.049
8	Huyện Như Xuân	5	2			8	89,03		64,1		2.165		2.165
9	Huyện Như Thanh	2				12	37,75	1	40,7	2,5	1.377	84	1.461
10	Huyện Thạch Thành					20		1	36,0	2,5	1.217	84	1.301
11	Huyện Triệu Sơn					8			14,4		487		487
12	Thị xã Nghi Sơn					1			1,8		61		61

Phụ biểu 1.5**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 5: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, Củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số***(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)**Đvt: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>2</i>
	TỔNG SỐ	39.812	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	39.812	Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu thực tế của các huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự toán chi tiết, gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ biểu 1.6**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TW NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 5: BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC; ĐÀO TẠO DỰ BỊ ĐẠI HỌC, ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG NHU CẦU NHÂN LỰC CHO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ***(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)**Đvt: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
	TỔNG SỐ	8.571	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo (35% tổng vốn phân bổ)	3.000	
2	Công An tỉnh (14,72% tổng vốn phân bổ)	1.262	
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (40,36% tổng vốn phân bổ)	3.459	
4	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (9,92% tổng vốn phân bổ)	850	

Phụ biểu 1.7**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 3, DỰ ÁN 5: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI***(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)**Đvt: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Nhu cầu đào tạo (học viên) (0,035 điểm/HV)	Điểm số	Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ			40.000	
I	Cấp tỉnh (1% tổng số vốn phân bổ)			400	
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội			400	
II	UBND cấp huyện và Trường Trung cấp nghề Miền núi	3.307	115,75	39.600	
1	Huyện Mường Lát	375	13,13	4.490	
2	Huyện Quan Hóa	350	12,25	4.191	
3	Huyện Quan Sơn	230	8,05	2.754	
4	Huyện Bá Thước	165	5,78	1.976	
5	Huyện Lang Chánh	225	7,88	2.694	
6	Huyện Ngọc Lặc	175	6,13	2.096	
7	Huyện Cẩm Thủy	200	7,00	2.395	
8	Huyện Thường Xuân	440	15,40	5.269	
9	Huyện Như Xuân	167	5,85	2.000	
10	Huyện Như Thanh	155	5,43	1.856	
11	Huyện Thạch Thành	225	7,88	2.694	
12	Trường Trung cấp nghề Miền núi	600	21,00	7.185	

Phụ biểu 1.8**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 4, DỰ ÁN 5:
ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH Ở CÁC CẤP***(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)**Đvt: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	TỔNG SỐ	10.000	
1	Ban Dân tộc tỉnh	10.000	Căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND các huyện xây dựng Kế hoạch đào tạo, tập huấn năm 2024 trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ Kế hoạch UBND tỉnh, xây dựng dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ biểu 1.9

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

T T	Đơn vị	Mục tiêu các nhiệm vụ (NV) thành phần của Dự án 6											Tổng số điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)	
		NV 3 (3,5 điểm/nv)	NV 4 (0,6 điểm/nv)	NV 6 (3,5 điểm/nv)	NV 7 (3,5 điểm/nv)	NV 8 (02 điểm/nv)	NV 9 (0,5 điểm/nv)	NV 13.1 (03 điểm/nv)	NV 14 (3,5 điểm/nv)	NV 16 (0,3 điểm/nv)	NV 17.2 (05 điểm/nv)	NV 18.2 (0,3 điểm/nv)			
	TỔNG SỐ														15.101
I	Cấp tỉnh														1.057
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (7% tổng vốn phân bổ)														1.057
II	UBND cấp huyện	1	7	2	3	13	115	2	1	12	5	0	146,8	14.044	
1	Huyện Mường Lát					1	11			2				8,1	775
2	Huyện Quan Hóa			1		1	10				1			15,5	1.483
3	Huyện Quan Sơn				1		10			1				8,8	842
4	Huyện Bá Thước		1			3	11			2	1			17,7	1.693
5	Huyện Lang Chánh					1	10							7	670
6	Huyện Ngọc Lặc		1		1	2	11	1		1				16,9	1.617
7	Huyện Cẩm Thủy		1			2	11			2	1			15,7	1.502
8	Huyện Thường Xuân		2		1	1	10			1				12	1.148
9	Huyện Như Xuân	1	1	1			10			1				12,9	1.234
10	Huyện Như Thanh					2	11	1	1	2	1			21,6	2.066
11	Huyện Thạch Thành		1				10				1			10,6	1.014

Phụ biểu 1.10

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG, CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Xã khu vực			Tổng số điểm	Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
		III (50 điểm/xã)	II (30 điểm/xã)	I (15 điểm/xã)			
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ					10.444	
I	Cấp tỉnh (39,8% tổng số vốn)					4.157	
1	Sở Y tế (22,5% tổng vốn phân bổ)					2.350	
2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (9,6% tổng vốn phân bổ)					1.003	
3	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (7,7% tổng vốn phân bổ)					804	
II	Cấp huyện (60,2% tổng số vốn TW phân bổ)	20	23	131	3.655	6.287	
1	Huyện Mường Lát	8			400	688	
3	Huyện Quan Hóa		8	7	345	593	
2	Huyện Quan Sơn	2	1	9	265	456	
4	Huyện Bá Thước	1	5	15	425	730	
5	Huyện Lang Chánh	1	2	7	215	370	
7	Huyện Ngọc Lặc			20	300	516	
6	Huyện Cẩm Thủy			15	225	387	
8	Huyện Thường Xuân	1	3	10	290	499	
9	Huyện Như Xuân	5	1	10	430	740	

STT	Đơn vị	Xã khu vực			Tổng số điểm	Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
		III (50 điểm/xã)	II (30 điểm/xã)	I (15 điểm/xã)			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
10	Huyện Như Thanh	2	2	8	280	482	
11	Huyện Thạch Thành		1	20	330	568	
13	Huyện Triệu Sơn			3	45	77	
12	Huyện Thọ Xuân			5	75	129	
14	Huyện Hà Trung			1	15	26	
15	Huyện Yên Định			1	15	26	

Phụ biểu 1.11
PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN DỰ ÁN 8
THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số xã KVIII (10 đ/xã)	Số xã ATK KVI, KVII (10 đ/xã)	Tổng số thôn ĐBKK (02 điểm/xã)	Số xã KVIII là xã BG (01 điểm/xã)	Tổng số điểm				Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)
						Xã KVIII; xã ATK KVI, KVII	Thôn ĐBKK	Xã KVIII là BG	Tổng	
	TỔNG SỐ									19.451
I	Cấp tỉnh									5.835
1	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh (30% tổng vốn phân bổ)									5.835
II	UBND cấp huyện	20	3	177	10	230	354	10	594	13.616
1	Huyện Mường Lát	8			7	80		7	87	1.993
2	Huyện Quan Hóa			35			70		70	1.605
3	Huyện Quan Sơn	2		9	2	20	18	2	40	917
4	Huyện Bá Thước	1		44		10	88		98	2.246
5	Huyện Lang Chánh	1		14	1	10	28	1	39	894
6	Huyện Ngọc Lặc			11			22		22	504
7	Huyện Thường Xuân	1	3	15		40	30		70	1.605
8	Huyện Như Xuân	5		8		50	16		66	1.513
9	Huyện Như Thanh	2		12		20	24		44	1.009
10	Huyện Thạch Thành			20			40		40	917
11	Huyện Triệu Sơn			8			16		16	367
12	Thị xã Nghi Sơn			1			2		2	46

Phụ biểu 1.12

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 9:
GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TÁO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THÔNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tỷ lệ tảo hôn	Tổng cộng tỷ lệ tảo hôn + tỷ lệ HNCHT (5 điểm/%)	Xã khu vực			Mô hình điểm (02 điểm/mô hình)	Tổng số điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)
				I (01 điểm/xã)	II (1,5 điểm/xã)	III (03 điểm/xã)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ								5.000
I	Cấp tỉnh								60
1	Sở Y tế (3% tổng vốn phân bổ)								60
II	UBND cấp huyện	26,29	26,29	121	22	15	9	348,45	4.940
1	Huyện Mường Lát	14,49	14,49			8	2	100,45	1.424
2	Huyện Quan Hóa			7	8		2	23	326
3	Huyện Quan Sơn	4,78	4,78	9	1	2	1	42,4	601
4	Huyện Bá Thước			15	5	1	1	27,5	390
5	Huyện Lang Chánh	0,92	0,92	7	2	1	1	19,6	278
6	Huyện Ngọc Lặc	1,43	1,43	20				27,15	385
7	Huyện Cẩm Thủy			15				15	213
8	Huyện Thường Xuân	4,67	4,67	10	3	1	1	42,85	607
9	Huyện Như Thanh			8	2	2	1	19	269
10	Huyện Thạch Thành			20	1			21,5	305
11	Huyện Triệu Sơn			3				3	43
12	Huyện Thọ Xuân			5				5	71
13	Huyện Hà Trung			1				1	14
14	Huyện Yên Định			1				1	14

Phụ biểu 1.13

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 10:
 BIỂU DƯƠNG, TÔN VIN ĐIỂN HÌNH TIỀN TIẾN, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CÓ UY TÍN; PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP
 PHÁP LÝ VÀ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO; TRUYỀN THÔNG PHỤC VỤ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔNG THỂ
 VÀ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Xã thuộc vùng DTTS & MN	Số điểm (27 điểm/xã)	Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ			16.000	
I	Cấp tỉnh (9,8% tổng số vốn phân bổ)			1.568	
1	Ban Dân tộc (5,8% tổng số vốn phân bổ)			928	
2	Sở Tư Pháp (1% tổng số vốn phân bổ)			160	
3	Sở Thông tin và Truyền thông (3% tổng số vốn phân bổ)			480	
II	UBND cấp huyện (90,2% tổng vốn TW phân bổ)	174	4.698	14.432	
1	Huyện Mường Lát	8	216	664	
2	Huyện Quan Hóa	15	405	1.244	
3	Huyện Quan Sơn	12	324	995	
4	Huyện Bá Thước	21	567	1.742	
5	Huyện Lang Chánh	10	270	829	
6	Huyện Ngọc Lặc	20	540	1.659	
7	Huyện Cẩm Thủy	15	405	1.244	
8	Huyện Thường Xuân	14	378	1.161	
9	Huyện Như Xuân	16	432	1.327	
10	Huyện Như Thanh	12	324	995	
11	Huyện Thạch Thành	21	567	1.742	
12	Huyện Triệu Sơn	3	81	249	
13	Huyện Thọ Xuân	5	135	415	
14	Huyện Hà Trung	1	27	83	
15	Huyện Yên Định	1	27	83	

Phụ biểu 1.14**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỤ' ÁN 2, DỰ ÁN 10: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI***(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)**Đvt: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tỷ lệ (%)	Vốn phân bổ năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	TỔNG SỐ	100	3.079	
1	Liên minh hợp tác xã tỉnh Thanh Hóa	15	462	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	85	2.617	

Phụ biểu 1.15

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 3, DỰ ÁN 10
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN TỒ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tỷ lệ (%)	Xã khu vực			Tổng số điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
			II (05 điểm/xã)	II (02 điểm/xã)	I (01 điểm/xã)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ						3.621	
I	Cấp tỉnh	55					1.992	
1	Ban Dân tộc tỉnh	25,5					927	
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	2,5					91	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	1					36	
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1					36	
5	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	1					36	
6	Sở Y tế	1					36	
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1					36	
8	Tỉnh Đoàn Thanh Hóa	1					36	
9	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	10					362	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1					36	
11	Sở Tài chính	1					36	
12	Sở Công Thương	1					36	
13	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	1					36	
14	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	1					36	
15	Sở Nội vụ	1					36	
16	Công An tỉnh	1					36	

STT	Đơn vị	Tỷ lệ (%)	Xã khu vực			Tổng số điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 1)	Ghi chú
			II (05 điểm/xã)	II (02 điểm/xã)	I (01 điểm/xã)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7
17	Sở Tư pháp	1					36	
18	Sở Thông tin và Truyền thông	1					36	
19	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1					36	
20	Hội Nông dân tỉnh	1					36	
II	UBND cấp huyện		20	23	131	277	1.629	
1	Huyện Mường Lát		8			40	235	
2	Huyện Quan Hóa			8	7	23	135	
3	Huyện Quan Sơn		2	1	9	21	124	
4	Huyện Bá Thước		1	5	15	30	176	
5	Huyện Lang Chánh		1	2	7	16	94	
6	Huyện Ngọc Lặc				20	20	118	
7	Huyện Cẩm Thủy				15	15	88	
8	Huyện Thường Xuân		1	3	10	21	124	
9	Huyện Như Xuân		5	1	10	37	218	
10	Huyện Như Thanh		2	2	8	22	129	
11	Huyện Thạch Thành			1	20	22	129	
12	Huyện Triệu Sơn				3	3	18	
13	Huyện Thọ Xuân				5	5	29	
14	Huyện Hà Trung				1	1	6	
15	Huyện Yên Định				1	1	6	